TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1302/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13/9/2017.
Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Hồng Phương

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa : Ông Hoàng Hải Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 670/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1708/2017/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1957/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1976, địa chỉ: 80/5A1 Lê Văn T, Phường T, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975, địa chỉ: 80/5A1 Lê Văn T, Phường T, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2017 và các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T, tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000 đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận C theo giấy chứng nhận kết hôn số 76/2004, quyển số 01, cấp ngày 26/7/2004.

Quá trình chung sống ông bà có một con chung tên Nguyễn Ngọc Thiên A (sinh ngày 08/10/2001). Bà và ông T chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh giữa hai bên do tính tình không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống lối sống, vợ chồng không thể tôn trọng, quan tâm, chia sẻ với nhau trên nhiều lĩnh vực. Hai bên thường xuyên cãi vã nhau khiến mâu thuẫn ngày thêm trầm trọng. Nhận thấy tình cảm không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, bà yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống. Về quan hệ hôn nhân: bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung: Nguyễn Ngọc Thiên A bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ A và không yêu cầu ông T cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T không đến Tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án không lấy được lời khai của ông Nguyễn Văn T cũng như không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 28/6/2017 theo quy định pháp luật và đã gửi thông báo kết quả phiên họp cho ông Nguyễn Văn T được biết.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị Thu V vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung: bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Ngọc Thiên A (sinh ngày 08/10/2001), không yêu cầu ông T cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến: Về tố tụng, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu V được ly hôn với ông Nguyễn Văn T theo Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về con chung: trẻ Nguyễn Ngọc Thiên A (sinh ngày 08/10/2001) giao cho bà V được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm

hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Văn T cho đến khi bà V có yêu cầu. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phi dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 76/2004, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2004 thì bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Văn T có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà V có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông T, ông T có địa chỉ cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Toà án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập cũng như Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ 2 nhưng ông T vẫn vắng mặt, theo khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn.

Xét lời khai của bà V thể hiện cuộc sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng quan tâm chia xẻ với nhau trên nhiều lĩnh vực, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Năm 2006, bà V đã từng yêu cầu Tòa án nhân dân Quận C giải quyết yêu cầu ly hôn của mình đối với ông T, sau đó bà V rút đơn nên vụ án được đình chỉ giải quyết theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 248/2006/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2006, việc này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã tồn tại từ năm 2006. Theo kết quả xác minh của Ban chấp hành Hội Phụ nữ Phường T quận Gò Vấp thể hiện "Bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Văn T có cuộc sống vợ chồng nhìn bề ngoài tương đối hạnh phúc. Vợ chồng có một con chung. Việc có xảy ra mâu thuẫn và nguyên nhân như thế nào thì không rõ do những người cùng nơi cư trú thông tin là không biết do cuộc sống gia đình bà V và ông T khá khép kín nên không thể xác minh được. Hiện nay bà V và ông T không còn sống chung với nhau nữa. Thời gian ly thân là không rõ", cho thấy bà V và ông T hiện không còn chung sống với nhau nữa. Căn cứ khoản 2 Điều 78 Bộ luật dân sự, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Phần 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xét mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa giải quyết cho ly hôn là phù hợp, nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: trẻ Nguyễn Ngọc Thiên A (sinh ngày 08/10/2001) có nguyện vọng được sống với mẹ. Bà V có mong muốn được giữ nuôi con, không

yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao con cho bà V giữ nuôi là phù hợp với nguyện vọng của trẻ.

Về tài sản chung, nợ chung: bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời do chưa ghi nhận được ý kiến của ông T về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu theo quy định tại tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu V được ly hôn với ông Nguyễn Văn T (giấy chứng nhận kết hôn số 76/2004, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/7/2004 không còn giá trị)

2. Về con chung: Giao bà V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Thiên A (sinh ngày 08/10/2001) đến tuổi trưởng thành. Bà V không yêu cầu ông T cấp đưỡng nuôi con.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm dừng việc cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Thu V được quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Cả hai có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông T và bà V có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở. Trong trường hợp một trong hai bên lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì bên còn lại có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên kia.

Một bên có quyền yêu cầu bên kia thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều 82 Luật hôn nhân gia đình; Một bên có quyền yêu cầu bên kia và các thành viên gia đình của bên kia tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Một bên cùng các thành viên trong gia đình của mình không được cản trở bên kia trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Trên cơ sở lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của ông T, bà V hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi ông T, bà V có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 85 Luật hôn nhân gia đình, ông T, bà V hoặc người thân thích, Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Thu V chịu nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0018540 ngày 18/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
-TAND TP.HCM;
-VKSND quận Gò Vấp;
-Chi cục THADS quận Gò Vấp;
-UBND P.Tăng Nhơn Phú A, Q9
-Các đương sự;
-Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Tài